Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 7228.80

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 7228.80 |
| **Mô tả hàng hóa** | Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim / - Thanh và que rỗng: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 05/11/2026 22:12:13 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/722880/ |

## 3 dòng thuế thuộc 7228.80

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 7228.80.11 | Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim / - Thanh và que rỗng: / - - Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng: / - - - Có mặt cắt ngang hình tròn | kg | 5% | 0% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 7228.80.19 | Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim / - Thanh và que rỗng: / - - Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng: / - - - Loại khác | kg | 5% | 0% | 10 / 8 (nhiều mức) |
| 7228.80.90 | Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim / - Thanh và que rỗng: / - - Loại khác | kg | 5% | 0% | 10 / 8 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.